TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** THÀNH PHỐ HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2023/DS-ST
Ngày: 19/01/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh
Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Văn Cương
2. Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Lệ Quyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Long Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 19/01/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 129/2022/TLST-DS ngày 17/10/2022, về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2022/QĐXXST-DS ngày 28/11/2022, các Quyết hoãn phiên toà số 118/2022/QĐST-DS ngày 13/12/2022 và số 122/2022/QĐST-DS ngày 30/12/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ông Trần Văn T**, sinh năm 19...
Địa chỉ: phường Quỳnh Lôi, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

- Luật sư Lê Đức T *(Có mặt)*
- Luật Sư Hồ Thị T *(Vắng mặt)*

Văn phòng Luật sư Lê và đồng sự (địa chỉ: phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội).

- Bị đơn: **1. Ông Phạm Vũ H**, sinh năm 19… *(Có mặt)*
2. Bà Nguyễn Phong L, sinh năm 19… *(Vắng mặt)*
Địa chỉ: phường Ngọc Thuỵ, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 21/7/2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, Nguyên đơn là ông Trần Văn T trình bày:*** Ông Phạm Vũ H là em bên vợ của tôi. Do cần vốn đầu tư kinh doanh phụ tùng ô tô, từ tháng 07/2018 đến tháng 01/2019 ông H và vợ là bà Nguyễn Phong L đã chủ động liên hệ để vay tiền tôi. Tổng số tiền tôi cho vợ chồng ông H bà L vay là: 1.470.000.000 VNĐ *(Một tỷ bốn trăm bảy mươi triệu đồng)*, cho vay thành 03 lần và đều giao nhận tiền trực tiếp tại nhà tôi ở địa chỉ: phường Ngọc Thụy, quận Long Biên, TP Hà Nội. Các lần vay cụ thể như sau:

✓ Ngày 23/07/2018, ông H bà L vay tôi số tiền 1.000.000.000 VNĐ (Một tỷ đồng) với thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 1,7%/tháng được ghi nhận tại Hợp đồng vay vốn kiêm nhận nợ ngày 23/07/2018.

✓ Ngày 08/11/2018, ông H bà L vay tôi số tiền 250.000.000 VNĐ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) với thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 1,7%/tháng được ghi nhận tại Hợp đồng vay vốn kiêm nhận nợ ngày 08/11/2018

✓ Ngày 25/01/2019, ông H bà L vay tôi số tiền 220.000.000 VNĐ (hai trăm hai mươi triệu đồng) với thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất 1,7%/tháng được ghi nhận tại Hợp đồng vay vốn kiêm nhận nợ ngày 25/01/2019. Khi các khoản vay đã quá hạn nhưng vợ chồng ông H bà L vẫn chưa trả nợ gốc và lãi cho tôi. Mãi đến ngày 29-08-2019, ông H bà L chỉ trả cho tôi được nợ gốc số tiền là 125.000.000 VNĐ (Một trăm hai lăm triệu đồng) trong tổng số nợ gốc đã vay là 1.470.000.000 VNĐ (Một tỷ bốn trăm bảy mươi triệu đồng).

Sau nhiều lần bị tôi đốc thúc trả nợ, để tôi có lòng tin vào việc vợ chồng ông H sẽ trả nợ, nên vào ngày 05/02/2020, ông H bà L đã lập Văn bản cam kết với tôi xác nhận số nợ gốc là: 1.393.595.000 VNĐ *(Một tỷ, ba trăm chín mươi ba triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng)*; trong đó: tiền nợ gốc còn lại sau khi trả nợ là 1.345.000.000 VNĐ và tiền lãi chưa trả tính tới ngày lập văn bản là 48.595.000 VNĐ. Đồng thời vợ chồng ông H bà L cam kết sẽ thanh toán toàn bộ số nợ 1.393.595.000 VNĐ trên cho tôi chậm nhất đến ngày 12/02/2020. Nội dung cam kết này đã được Văn phòng Thừa phát lại Hai Bà Trưng ghi nhận lại bằng Vi bằng số 170/2020/VB-TPLHBT ngày 05/02/2020. Tuy nhiên, đến ngày 12-02- 2020, ông H bà L vẫn không trả và dù sau đó ông bà có các cam kết hứa hẹn trả nợ cho tôi nhưng đều không thực hiện. Đến nay, đã quá 02 năm, nhưng ông H bà L vẫn không trả nợ cho tôi. Các ngày 29 và 30/06/2022, tôi đã gửi thông báo yêu cầu trả nợ kèm thời hạn trả cụ thể gửi cho ông H bà L nhưng vẫn không nhận được phản hồi nào từ ông H bà L.

Do vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, bằng đơn này, tôi khởi kiện ông Phạm Vũ H và bà Nguyễn Phong L ra Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội kèm theo các yêu cầu khởi kiện dưới đây:

1. Yêu cầu ông Phạm Vũ H và bà Nguyễn Phong L trả lại cho tôi số tiền nợ gốc và lãi tính đến thời điểm lập vi bằng ngày 05/02/2020 là:

1.393.595.000 VNĐ *(Một tỷ ba trăm chín mươi ba triệu năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng)*.

2. Yêu cầu ông Phạm Vũ H và bà Nguyễn Phong L trả khoản tiền lãi trên nợ gốc trong hạn tính từ thời điểm lập vi bằng ngày 05/02/2020 đến 12/02/2020 là: 5.328.890 VNĐ *(Năm triệu ba trăm hai mươi tám nghìn tám trăm chín mươi đồng)*. Cụ thể như sau: [1.345.000.000 x 0,0566%/ngày x 07 ngày] = 5.328.890 VNĐ

3. Yêu cầu ông Phạm Vũ H và bà Nguyễn Phong L trả khoản tiền lãi trên quá hạn tính từ thời điểm 13/02/2020 đến 29/06/2022 (02 năm 04 tháng 17 ngày) là: 480.275.559 VNĐ *(Bốn trăm tám mươi triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn năm trăm năm mươi chín đồng).* Cụ thể như sau: [1.345.000.000 x 15%/năm x 02 năm] + [1.345.000.000 x 1,25%/tháng x 04 tháng] + [1.345.000.000 x 0,04166%/ngày x 17 ngày] = 480.275.559 VNĐ.

4. Yêu cầu ông Phạm Vũ H và bà Nguyễn Phong L trả khoản tiền lãi trên nợ lãi quá hạn tính từ thời điểm 13/02/2020 đến ngày 29/06/2022 (02 năm 04 tháng 17 ngày) là: 11.561.188 VNĐ *(Mười một triệu năm trăm sáu mươi mốt nghìn một trăm tám mươi tám đồng).* Cụ thể như sau: [48.595.000 x 10%/năm x 02 năm] + [48.595.000 x 0,83%/tháng x 04 tháng] + [48.595.000 x 0,0277%/ngày x 17 ngày]= 11.561.188 VNĐ.

**** Bị đơn là ông Phạm Vũ H*** trình bày: Tháng 10 năm 2018, ông H có vay tiền của ông Trần Văn T mục đích phục vụ công việc kinh doanh của Công ty TNHH MTV Hòa P.T với mức lãi suất thỏa thuận là 1,7%/tháng. Chúng tôi đã thực hiện nghĩa vụ trả lãi theo đúng thỏa thuận tại hợp đồng đến hết tháng 10/2019. Chúng tôi xác nhận việc vay tiền và số tiền gốc vay, lãi vay như ông Trần Văn T nêu trong đơn khởi kiện là đúng sự thật. Tuy nhiên do Công ty TNHH Một thành viên Hòa P.T (do ông H làm chủ) gặp khủng hoảng mất khả năng thanh toán, toàn bộ 02 kho hàng của chúng tôi đã bị Ngân hàng thu giữ, quản lý để trả cho các khoản vay thế chấp tại Ngân hàng, kể cả tài sản duy nhất là ngôi nhà gia đình tôi đang ở cùng bố mẹ cũng đã thế chấp vay ngân hàng, đang chờ giải quyết. Hiện tại, công việc không ổn định nên kinh tế gia đình tôi rất khó khăn, tôi vẫn đang nỗ lực tìm kiếm công việc để có thể lo cho bản thân và trang trải các khoản công nợ. Căn cứ vào khả năng thực tế của bản thân, tôi kính đề nghị Quý Tòa xem xét cho tôi thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Trần Văn T với mức ban đầu là 1.000.000đ/tháng *(Một triệu đồng/tháng)*. Sau này, nếu công việc và thu nhập ổn định hơn thì sẽ chịu trách nhiệm chi trả cao hơn.

Đồng bị đơn - bà Nguyễn Phong L (vợ ông H) xác nhận các khoản vay mà ông H đã nhận nợ với ông T, đồng thời xác nhận cùng có trách nhiệm với ông T hoàn trả các khoản vay đó.

Tại phiên tòa:

* ***Nguyên đơn*** rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu số 2, cụ thể là rút yêu cầu đối với khoản lãi trên nợ gốc trong hạn; đồng thời bổ sung yêu cầu đối với thời gian tính lãi tại yêu cầu số 3 và 4 cụ thể là tính từ ngày 13/02/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm 19/01/2023, còn yêu cầu số 1 thì giữ nguyên. Cụ thể như sau:

1. Yêu cầu ông H và bà L trả lại cho ông T tổng số tiền nợ tính đến thời điểm lập vi bằng ngày 05/02/2020 là: 1.393.595.000 VNĐ (trong đó, tiền nợ gốc là 1.345.000.000 VNĐ và tiền lãi chưa trả tính tới ngày 05/02/2020 là 48.595.000 VNĐ).

2. Rút yêu cầu tính lãi trên nợ gốc trong hạn tính từ thời điểm lập vi bằng ngày 05/02/2020 đến 12/02/2020 (07 ngày) là: 5.209.319 VNĐ.

3. Yêu cầu ông H và bà L trả khoản tiền lãi trên nợ gốc quá hạn tính từ ngày 13/02/2020 đến ngày 19/01/2023 (ngày TAND quận Long Biên quyết định đưa vụ án ra xét xử) với lãi suất quá hạn là 15%/năm.

4. Yêu cầu ông H và bà L trả khoản tiền lãi trên nợ lãi chưa trả tính từ ngày 13/02/2020 đến ngày 19/01/2023 (ngày TAND quận Long Biên quyết định đưa vụ án ra xét xử) với lãi suất là 10%/năm.

**** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:*** theo thoả thuận tại 03 Hợp đồng vay vốn kiêm giấy nhận nợ các ngày 23/7/2018, 18/11/2018 và 25/01/2019 thì các bên thoả thuận lãi suất cho vay là 1,7%/tháng, tuy nhiên tại Văn bản cam kết ngày 05/02/2020 thì ông H và bà L không ghi cụ thể mức lãi suất, do vậy nguyên đơn xác định đây là khoản vay không có lãi và đề nghị HĐXX áp dụng Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% trong hạn cụ thể là 10%/năm * 150% = 15%/năm.

**** Bị đơn – ông H trình bày:*** chấp nhận hết các yêu cầu của nguyên đơn tại phiên toà, tuy nhiên do điều kiện kinh tế chưa thể trả ngay được nên đề nghị nguyên đơn xem xét giãn nợ.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên phát biểu:***

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác minh thu thập chứng cứ, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho VKS và đương sự đúng quy định. Tại phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: các đương sự chấp hành nghĩa vụ tố tụng theo quy định.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án: căn cứ Điều 26 BLTTDS, các Điều 468 và 470 BLDS năm 2005, Nghị quyết 01 năm 2019 của HĐTP, Nghị quyết

326 về án phí: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc và lãi theo quy định; đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tính lãi trong hạn; bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:**

[1.1] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn khởi kiện về việc đòi tài sản (tiền) phát sinh từ "Văn bản cam kết" ghi ngày 05/02/2020 (được lập kèm theo Vi bằng số 170 ngày 05/02/2020 của Văn phòng Thừa phát lại Hai Bà Trưng. Đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bị đơn có địa chỉ cư trú tại quận Long Biên, thành phố Hà Nội nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Long Biên theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] *Về thời hiệu khởi kiện:* Yêu cầu của Nguyên đơn là đòi tài sản phát sinh từ hợp đồng vay mượn, việc thỏa thuận vay tiền giữa hai bên được lập làm nhiều văn bản, bản cuối cùng là ngày 05/02/2020 và ấn định thời hạn thanh toán chậm nhất là ngày 12/02/2020. Đơn khởi kiện của ông Trần Văn T ghi ngày 21/7/2022 và gửi cho Tòa án qua tổ chức Bưu chính ngày 25/7/2022.

Theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự thì đơn khởi kiện của ông T nằm trong thời hiệu khởi kiện. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không có ý kiến, yêu cầu gì về thời hiệu khởi kiện theo Điều 181 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 149 của Bộ luật Dân sự.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhận được Đơn trình bày của bà Hà Thị Lưu S là vợ của ông Trần Văn T, với nội dung: *"toàn bộ số tiền ông Trần Văn T đã cho ông Phạm Vũ H và bà Nguyễn Phong L vay đều là khoản tiền cá nhân và thuộc sở hữu riêng của ông T, không phải là khoản tiền chung giữa hai vợ chồng"*, đồng thời từ chối tham gia tố tụng. Do vậy, Tòa án quận Long Biên không đưa bà S tham gia tố tụng trong vụ án, trường hợp giữa bà S và ông T có tranh chấp về khoản tiền cho vay này sẽ được giải quyết bằng vụ việc khác khi có yêu cầu.

[2] **Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:**

[2.1] Văn bản cam kết ngày 05/02/2020 có nội dung bên cho vay là ông Trần Văn T, bên nhận nợ là ông Phạm Vũ H và bà Nguyễn Phong L, số tiền nhận nợ là 1.393.595.000 đồng *(một tỷ, ba trăm chín mươi ba triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn)*. Nguyên đơn giải trình số tiền 1.393.595.000 đồng phía bị đơn nhận nợ với nguyên đơn bao gồm 1.345.000.000 đồng *(một tỷ, ba trăm*

bốn mươi lăm triệu đồng) nợ gốc và 48.595.000 đồng *(bốn mươi tám triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng)* nợ lãi của xuất phát từ việc thực hiện 03 lần vay tiền vào các ngày 23/7/2018, 08/11/2018 và 25/01/2019. Quá trình giải quyết vụ án phía bị đơn thừa nhận số tiền nợ cũng như nghĩa vụ trả nợ, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2] Thoả thuận vay nợ giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay có kỳ hạn, không có lãi và không có tài sản bảo đảm.

[2.3] Căn cứ vào các Điều 398, 401, 463 của Bộ luật Dân sự, thỏa thuận về vay nợ giữa ông T và ông H, bà L có hiệu lực từ thời điểm giao kết và các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với nhau theo đúng cam kết. Do ông Phạm Vũ H và bà Nguyễn Phong L không thực hiện việc trả nợ nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – ông Trần Văn T, buộc Bị đơn – ông Phạm Vũ H và bà Nguyễn Phong L có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn T số tiền nợ theo Văn bản cam kết ngày 05/02/2020, là phù hợp với quy định tại các Điều 166, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự.

3. Số tiền cụ thể như sau:

[3.1] Nợ gốc: bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là **1.345.000.000 đồng** *(một tỷ, ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng)*.

[3.2] Nợ lãi:

[3.2.1] Số tiền lãi tính đến ngày 05/02/2020 đã được các bên thống nhất thừa nhận, do vậy HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đối với số tiền 48.595.000 đồng *(bốn mươi tám triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn đồng)* này.

[3.2.2] Do các bên không thoả thuận về lãi nên lãi suất được tính theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự (10%/năm), lãi quá hạn bằng 15%/năm.

Xét yêu cầu của nguyên đơn đối với khoản tiền lãi quá hạn bằng 15%/năm là phù hợp với quy định tại Điểm b Khoản 5 Điều 466 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Thời hạn trả nợ được các bên thoả thuận chậm nhất là ngày 12/02/2020, do vậy kể từ ngày 13/02/2020 được xác định là ngày quá hạn, tính đến ngày xét xử sơ thẩm (19/01/2022) là 02 năm 11 tháng 07 ngày (nguyên đơn tính 02 năm 11 tháng 06 ngày là không chính xác). Số tiền lãi quá hạn cụ thể là: (1.345.000.000đ * 15%/năm * 02 năm) + (1.345.000.000đ * 1,25%/tháng * 11 tháng) + (1.345.000.000đ * 0,0411%/ngày * 07 ngày) = **592.306.678 đồng**.

- Về yêu cầu đối với khoản tiền lãi trên nợ lãi chưa trả: theo quy định tại Khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 01 /2019/NQ-

HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao, thì bị đơn có nghĩa vụ trả lãi trên nợ lãi chưa trả (48.595.000 đồng) với mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chậm trả tiền lãi trên nợ gốc là 02 năm 11 tháng 07 ngày, cụ thể là (48.595.000đ * 10%/năm * 02 năm) + (48.595.000đ * 0,83%/tháng * 11 tháng) + (48.595.000đ * 0,0274%/ngày * 07 ngày) = **14.266.738 đồng**.

Tổng số tiền nợ lãi bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn là: 48.595.000 đồng + 592.306.678 đồng + 14.266.738 đồng = **655.168.416 đồng** *(sáu trăm năm mươi lăm triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm mười sáu đồng)*.

[4] Tại phiên tòa, nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi trong hạn, do vậy căn cứ vào Khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nêu trên.

[5] Về án phí: Bị đơn có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 120, 166, 357, 398, 400, 401, 463, 466, 468, 469, 470 và 688 của Bộ luật Dân sự; Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 và các Điều 147, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2015/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trần Văn T đối với bị đơn là ông Phạm Vũ H và bà Nguyễn Phong L, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Văn bản cam kết ghi ngày 05/02/2020.

Buộc ông Phạm Vũ H và bà Nguyễn Phong L có nghĩa vụ thanh toán cho ông Trần Văn T tổng số tiền **2.048.763.416 đồng** *(hai tỷ, không trăm bốn mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn, bốn trăm mười sáu đồng)*, bao gồm **1.345.000.000 đồng** *(một tỷ, ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng)* nợ gốc và **655.168.416 đồng** *(sáu trăm năm mươi lăm triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn, bốn trăm mười sáu đồng)* nợ lãi.

2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án dân sự của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nợ gốc, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc theo mức lãi suất

quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu tính tiền lãi trong hạn.

4. Bị đơn là ông Phạm Vũ H và bà Nguyễn Phong L có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là **72.975.268** đồng.

5. Ông Trần Văn T và ông Phạm Vũ H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Phong L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh

Nơi nhận :
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKS Q. Long Biên,
- VKS Tp. Hà Nội;
- Chi cục THADS Q. Long Biên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

Mẫu 53-DS

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: **02**/2023/QĐ-TA

Long Biên, ngày 03 tháng 02 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
SỬA CHỮA, BỔ SUNG BẢN ÁN SƠ THẨM

Căn cứ Điều 268 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xét thấy cần sửa chữa, bổ sung bản án do phát hiện lỗi do cộng (tính toán) sai số liệu trong Bản án số 04/2023/DS-ST ngày 19/01/2023, giữa: Nguyên đơn là ông Trần Văn T với Bị đơn là ông Phạm Vũ H và bà Nguyễn Phong L.

QUYẾT ĐỊNH

Sửa chữa, Bổ sung thông tin tại Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2023/DS-ST ngày 19/01/2023của Tòa án nhân dân quận Long Biên như sau:

1) Tại dòng thứ 2, 3 và 4 từ trên xuống, trang 8 của Bản án đã ghi: "…toán cho ông Trần Văn T tổng số tiền 2.048.763.416 đồng (hai tỷ, không trăm bốn mươi tám triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn, bốn trăm mười sáu đồng)". Nay sửa chữa như sau: *"...toán cho ông Trần Văn T tổng số tiền* ***2.000.168.416 đồng*** *(hai tỷ, một trăm sáu mươi tám triệu, bốn trăm mười sáu nghìn đồng)"*.

2) Tại mục 4 (phần án phí) của Bản án đã ghi: "Bị đơn là ông Phạm Vũ H và bà Nguyễn Phong L có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là 72.975.268 đồng". Nay sửa chữa như sau: *"Bị đơn là ông Phạm Vũ H và bà Nguyễn Phong L có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là* ***72.003.368 đồng****"*.

3) Bổ sung phần quyết định về án phí: Hoàn trả cho nguyên đơn – ông Trần Văn T số tiền 26.903.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai số 0065396 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Long Biên.

Nơi nhận:
- Đương sự trong vụ án;
- VKSND quận Long Biên;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND TP Hà Nội;
- Chi cục THA DS Q. Long Biên;
- Lưu HS, VP.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Thùy Dương Ngọc Anh